

Số: *1266* /VHL-KHTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

V/v hướng dẫn lập dự toán kinh phí
đối với nhiệm vụ KHCN theo Thông
tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Ngày 22/4/2015, liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN (có hiệu lực từ ngày 08/6/2015) về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng NSNN. Theo qui định tại Điều 3 của Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKH “các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, ban hành các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở để thực hiện thống nhất trong phạm vi Bộ, cơ quan và phù hợp với đặc thù với hoạt động của Bộ, cơ quan”.

Viện Hàn lâm KHCNVN đã ban hành Định mức chi quản lý nhiệm vụ KHCN và hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN (Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30/6/2015).

Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn các đơn vị một số Điều của Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHC (sau đây gọi tắt là TT 55/2015) và hướng dẫn định mức xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN (cấp Viện Hàn lâm) và nhiệm vụ cấp cơ sở của các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN (cấp cơ sở) như sau:

1. Nội dung chi và định mức chi quản lý nhiệm vụ KHCN:

a) Nội dung chi gồm các khoản chi qui định tại Điều 8 TT55/2015, như:

- Chi hoạt động của các hội đồng tư vấn KHCN: Nhằm xác định nhiệm vụ KHCN; đánh giá/thẩm định hồ sơ nhiệm vụ, . . .

- Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập;

- Chi tổ chức tuyển chọn cơ quan chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KHCN;

- v.v...

b) Định mức chi:

- Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia: Áp dụng theo các quy định tại TT 55/2015.

- Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm (các đề tài KHCN cấp Viện Hàn lâm thuộc 7 hướng khoa học ưu tiên, đề tài độc lập, độc lập trẻ, đề tài hợp tác quốc tế, đề tài hợp tác với địa phương, dự án SXTN,...): Áp dụng theo



các định mức quy định tại Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30/6/2015. Đối với nhiệm vụ ODA, NGO, Hợp tác quốc tế, Hợp tác với ngành địa phương áp dụng theo thoả thuận riêng. Nếu không có định mức thì có thể áp dụng theo định mức tại Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30/6/2015.

- Đối với các nhiệm vụ cấp cơ sở: Các đơn vị căn cứ vào định mức quy định tại Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30/6/2015 và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để áp dụng và không vượt quá định mức tại quyết định này.

- Đối với các nhiệm vụ khác, nếu chưa có quy định về định mức thì có thể áp dụng định mức tại Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30/6/2015.

2. Các nội dung chính của dự toán cho nhiệm vụ KHCN (các yếu tố cấu thành dự toán được quy định tại Điều 7. TT55/2015) gồm:

- Tiền công lao động trực tiếp (1⁰) (*trước đây, theo Thông tư số 44/2007, mục này là tiền công viết chuyên đề; nay được thay là tiền công lao động trực tiếp*);

- Chi mua vật tư, nguyên, nhiên liệu (2⁰);

- Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định (3⁰);

- Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong, ngoài nước phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu nhiệm vụ KHCN (4⁰).

- Chi trả dịch vụ thuê ngoài (5⁰);

- Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu (6⁰);

- Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn (7⁰);

- Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN (8⁰);

- Chi quản lý chung (*chi phí quản lý gián tiếp của đơn vị chủ trì*) (9⁰);

- Chi khác (10⁰);

3. Xây dựng dự toán tiền công lao động trực tiếp

Tiền công lao động trực tiếp gồm:

- Tiền công trực tiếp của các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN

- Tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước.

3.1. Tiền công trực tiếp của các thành viên thực hiện nhiệm vụ KHCN:

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động thực hiện nhiệm vụ KHCN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả theo Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Cấu trúc tiền công lao động thực hiện nhiệm vụ KHCN

STT	Nội dung công việc	Kết quả giao nộp
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu

STT	Nội dung công việc	Kết quả giao nộp
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.
8	Chi khác (nếu có)	Có thuyết minh cụ thể.

b) Tiền công trực tiếp của các thành viên tham gia thực hiện được tính theo ngày công theo chức danh của từng thành viên. Các thành viên được phân theo chức danh: Chủ nhiệm nhiệm vụ; Thành viên chính và Thư ký khoa học; Thành viên; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (Điều 5, TT55/2015).

- Đối với các Nhiệm vụ cấp Quốc gia: Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh được Hội đồng KH&CN xem xét và cấp có thẩm quyền quyết định (theo TT55/2015).

- Đối với các Nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm: Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh cũng như việc thuê chuyên gia thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng KH&CN đánh giá/thẩm định nội dung hồ sơ nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm (gọi tắt là Hội đồng KH&CN) xem xét, kiến nghị Chủ tịch Viện Hàn lâm phê duyệt. Số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ là cán bộ thuộc Viện Hàn lâm KH&CNVN phải trên 50%.

- Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/1 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính 1/2 ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán. Số tháng làm việc quy đổi là thời gian làm việc thực tế của từng thành viên cho

nhiệm vụ KHCN: 08 giờ làm việc được tính là 01 ngày công, 22 ngày công làm việc được tính là 01 tháng (theo TT55/2015).

- Chủ nhiệm nhiệm vụ và thành viên chính được phép sử dụng tối đa 70% thời gian lao động trong năm của mình để thực hiện nhiệm vụ (tính theo thời gian quy đổi).

- Tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng tiền công trực tiếp của các thành viên tham gia thực hiện Nhiệm vụ (tổng tiền công của mục 3.1 của Văn bản này) (theo TT55/2015).

- Tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó: + **Tc**: Tiền công của chức danh;

+ **Lcs**: Lương cơ sở do Nhà nước quy định;

+ **Hsten**: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 2 dưới đây;

+ **Snc**: Số ngày công của từng chức danh.

Bảng 2: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCN

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (hcd)	Hệ số lao động khoa học (hkh)	Hệ số tiền công theo ngày $Hsten=(hcd \times hkh)/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

Đề tài phải thuyết minh rõ ràng về tiến độ thực hiện đề tài, nhiệm vụ chính và trách nhiệm của từng thành viên tham gia nghiên cứu.

3.2. Thuê chuyên gia:

a) Trường hợp có nhu cầu thuê chuyên gia, căn cứ nội dung công việc cần thiết, cơ quan chủ trì nhiệm vụ đề xuất: Có giải trình trong thuyết minh nhiệm vụ; Hội đồng KHCN sẽ xem xét, kiến nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc thuê chuyên gia chỉ được thực hiện với nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia và cấp Viện HL. Nhiệm vụ cấp cơ sở không được thuê chuyên gia.

Dự toán chi thuê chuyên gia cần được lập thành mục riêng trong mục tiền công lao động trực tiếp.

b) Mức chi thuê chuyên gia:

- Mức chi thuê chuyên gia trong nước: Tổng chi thuê chuyên gia không vượt quá 30% tổng chi lao động trực tiếp; Trường hợp thuê theo ngày công thì mức thuê không quá 40 triệu đồng/người/tháng.

- Mức chi phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng chi lao động trực tiếp.

Trường hợp đặc biệt (mức chi chuyên gia lớn hơn định mức qui định): Cơ quan chủ trì có tờ trình riêng trình và Hội đồng KHCN có ý kiến bằng văn bản trình Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét quyết định.

3.3. Điều chỉnh dự toán phân công lao động trực tiếp đối với nhiệm vụ KHCN thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có những phát sinh, cần thiết phải điều chỉnh lại dự toán phân công lao động trực tiếp thì cơ quan chủ trì có thuyết minh giải trình nêu rõ lý do và cơ sở điều chỉnh trình Chủ tịch Viện xem xét điều chỉnh. Việc điều chỉnh cần đảm bảo các yêu cầu:

- Không làm tăng tổng kinh phí của nhiệm vụ đã được phê duyệt và vẫn đảm bảo mục tiêu, kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ đã phê duyệt.

- Mức điều chỉnh đối với phân công lao động trực tiếp của các thành viên tham gia thực hiện không quá $\pm 25\%$ của phân công lao động trực tiếp của các thành viên đã được phê duyệt.

- Đối với phần thuê chuyên gia: Viện Hàn lâm KHCNVN sẽ có xem xét riêng và giải quyết theo từng trường hợp cụ thể.

Các trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN quyết định.

4. Xây dựng dự toán cho các nội dung còn lại của nhiệm vụ KHCN

(các nội dung 2⁰, 3⁰, 4⁰, 5⁰, 6⁰, 7⁰, 8⁰, 9⁰, 10⁰ nêu tại mục 2.)

4.1. Dự toán cho các nội dung 2⁰, 3⁰, 4⁰, 5⁰, 6⁰, 7⁰: Chi mua vật tư, nguyên, nhiên liệu; Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong, ngoài nước phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu nhiệm vụ KHCN; Chi trả dịch vụ thuê ngoài; Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu; Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn: xây dựng dự toán theo các định mức, và qui định hiện hành của các ngành liên quan (theo qui định tại các điểm 3, 4, 5, 6 của TT55/2015).

Đối với những nội dung chi chưa có qui định, cơ quan chủ trì đề xuất, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

4.2. Chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN (nghiệm thu cấp cơ sở)(8⁰): Được xây dựng theo dự kiến số lượng thành viên hội đồng và đại biểu tham dự.

Mức chi:

- Đối với nhiệm vụ cấp Quốc gia: Không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu cấp Quốc gia (theo Điểm 7, Điều 7, TT55/2015).

- Đối với Nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm: Theo qui định tại điểm 7 Bảng 2 Mục IV của Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30/6/2015 và lập trong dự toán của nhiệm vụ.

- Đối với nhiệm vụ cấp cơ sở: Mức chi không vượt quá so với hội đồng KHCN cấp Viện Hàn lâm và lấy từ kinh phí hoạt động của đơn vị.

4.3. Chi quản lý chung (chi phí quản lý gián tiếp của đơn vị chủ trì)(9⁰):

- Nội dung chi quản lý chung nhiệm vụ KHCN bao gồm: Chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KHCN tại cơ quan chủ trì nhiệm vụ; chi sửa chữa, chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KHCN của cơ quan chủ trì.

- Mức chi:

+ Đối với nhiệm vụ cấp Quốc gia và nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm: Bằng 5% tổng dự toán của nhiệm vụ, nhưng không quá 200 triệu đồng (Điểm 8, Điều 7, TT55/2015).

+ Đối với nhiệm vụ cấp cơ sở: Tối đa bằng 5% của tổng dự toán của nhiệm vụ và không quá 200 triệu đồng.

4.4. Chi khác (10⁰): Chi khác là các khoản chi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa được tính vào các nội dung (từ 1⁰ đến 9⁰) nêu trên của dự toán nhiệm vụ. Tùy theo tính chất của các khoản chi, cơ quan chủ trì căn cứ vào các định mức và qui định hiện hành liên quan để xây dựng dự toán.

5. Mẫu dự toán: kèm theo Công văn.

Các qui định về hướng dẫn lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KHCN thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN qui định tại Công văn này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước và của Viện Hàn lâm KHCNVN./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, KHTC.VN55.



Nguyễn Đình Công

DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Nhiệm vụ KHCN:.....)

1. Căn cứ lập dự toán:

1.1. Các văn bản qui định định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành ban hành và các chế độ, chính sách của nhà nước được sử dụng làm căn cứ để lập dự toán; Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể, chi tiết căn cứ lập dự toán, yêu cầu có báo giá kèm theo.

- Văn bản số . . .

- Báo giá số...

1.2. Danh sách cán bộ thực hiện đề tài (theo chức danh và ngày công lao động):

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Trách nhiệm trong đề tài	Cơ quan công tác	Tổng số ngày công làm việc (snc)	Ghi chú
I.		Chủ nhiệm nhiệm vụ		x x x	
II		Thành viên chính		x x x	
1		Thư ký đề tài		x	
2				x	
III		Thành viên		x x x	
1	...			x	
2			x	
IV		Nhân viên hỗ trợ		x x x	
1	...			x	
2			x	

1.3. Danh sách chuyên gia trong nước tham gia thực hiện

TT	Họ và tên học hàm, học vị	Tên cơ quan công tác/ địa chỉ	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày công/tháng)

1.4. Danh sách chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện

TT	Họ và tên học hàm, học vị	Tên cơ quan công tác nước ngoài/ địa chỉ	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày công/tháng)

2. Tổng hợp dự toán

Tổng hợp dự toán theo Mục lục NSNN

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Mục chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra các năm	
				Năm 20...	Năm 20...
A		Nội dung chi giao khoán			
	*	Tiền công lao động trực tiếp			
	7000	Tiền công của các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo chức danh			
		<i>Chủ nhiệm đề tài</i>			
		<i>Thành viên nghiên cứu chính</i>			
		<i>Thành viên tham gia</i>			
		<i>Kỹ thuật viên và nhân viên hỗ trợ</i>			
	6750	Thuê chuyên gia trong nước			
	6750	Thuê chuyên gia ngoài nước			
	*	Chi giao khoán khác			
	6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng			
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng			
	6550	Vật tư văn phòng			
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
	6650	Hội nghị			
	6650	Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở			
	6700	Công tác phí			
	6750	Chi phí thuê mướn			
	6850	Chi đoàn vào			
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (<i>trừ chi phí tiền công lao động trực tiếp, vật tư hóa chất, TTB chuyên dùng không phải TSCĐ</i>)			
	7750	Chi phí quản lý gián tiếp			
B		Nội dung chi không giao khoán			
	6750	Chi phí thuê mướn Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại)			
	6800	Chi đoàn ra			
	6900	Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho đề tài			
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn			

STT	Mục chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra các năm	
				Năm 20...	Năm 20...
		(Gồm vật tư, hoá chất, trang TBị chuyên dùng không phải TSCĐ)			
	9000	Tài sản vô hình			
	9050	Tài sản hữu hình			
		Tổng cộng (A+B) (tổng kinh phí của đề tài)			

3. Giải trình các Mục chi (**):

Chi tiết tiền công lao động trực tiếp: = Cộng (1) + (2) + (3)

3.1. Chi tiết tiền công của các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo các chức danh (Mục 7000- Tiêu mục 7012)

TT	Họ và tên	Chức danh thực hiện nhiệm vụ	Dự kiến kết quả	Số ngày công làm việc (snc)	Hệ số tiền công theo ngày (hsten)	Tiền công =snc* hsten * lcs (đồng)
(1) Nội dung nhiệm vụ 1: (tên nội dung 1)						
1	Chủ nhiệm ĐT		X1	0,79	Lcs*X1 * 0,79
2	Thành viên chính		X2	0,49	Lcs*X2 * 0,49
3	Thành viên chính		X3	0,49	Lcs*X3 * 0,49
4	Thành viên		X4	0,25	Lcs*X4 * 0,25
5	Thành viên		X5	0,25	Lcs*X5 * 0,25
6	Nhân viên kỹ thuật		X6	0,16	Lcs*X6 * 0,16
7	Nhân viên hỗ trợ		X7	0,16	Lcs*X7 * 0,16
(2) Nội dung nhiệm vụ 2: (tên nội dung 2)						
1	...					
2	...					
	...					
(...) Nội dung nhiệm vụ ...:						
	Tổng cộng				

Bảng tổng hợp tiền công lao động

TT	Họ và tên	Chức danh thực hiện nhiệm vụ	Số ngày công làm việc (snc)	Thành tiền	Công thức tính
1	Bùi Văn A	Chủ nhiệm ĐT	X1=115	104.478	$1.150 \cdot 115 \cdot 0,79$
2	Nguyễn Văn B	Thành viên chính	X2= 50	28.175	$1.150 \cdot 50 \cdot 0,49$
3	Lê Thị C	Thành viên chính	X3=60	33.810	$1.150 \cdot 60 \cdot 0,49$
4	Nguyễn Thị D	Thành viên tham gia	X4=39	21.977	$1.150 \cdot 39 \cdot 0,25$
5	Thành viên tham gia	X5=30	8.625	$1.150 \cdot 30 \cdot 0,25$
6	Nhân viên kỹ thuật	X6=30	8.625	$1.150 \cdot 30 \cdot 0,16$
7	Nhân viên hỗ trợ	X7		$1.150 \cdot X7 \cdot 0,16$
Tổng kinh phí tiền công				205.698

Lưu ý:

- Việc xác định số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ và số ngày công của từng thành viên do Chủ nhiệm đề tài đề xuất, hội đồng đánh giá/thẩm định kiến nghị đề Viện Hàn lâm xem xét quyết định theo nguyên tắc: Đảm bảo đúng người, đúng việc, đủ thời gian để hoàn thành nội dung công việc được phân công và đạt đủ số lượng, chất lượng sản phẩm cần đạt của đề tài. Đảm bảo tối thiểu 50% số lượng thành viên tham gia thực hiện các nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN phải là cán bộ, công chức, viên chức thuộc Viện Hàn lâm quản lý. Các thành viên nghiên cứu chính tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo thuyết minh nhiệm vụ.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ và thành viên chính được phép sử dụng tối đa 70% thời gian lao động mỗi năm của mình để thực hiện nhiệm vụ (tính theo thời gian quy đổi).

- Tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng tiền công trực tiếp của các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ.

- Tùy theo khả năng kinh phí, chức danh khoa học của các thành viên tham gia, đề tài có thể áp dụng hệ số tiền công theo ngày phù hợp nhưng không vượt quá mức áp dụng tối đa cho nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN quy định tại QĐ 1076/VHL ngày 30/6/2015.

3.2. Chi tiết tiền thuê chuyên gia trong nước

(Mục 6750- Tiểu mục 6755)

TT	Họ và tên Học hàm, học vị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	
	

TT	Học và tên Học hàm, học vị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	Cộng (2)				

Lưu ý:

- Chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Các chuyên gia trong nước tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo thuyết minh nhiệm vụ.

- Tổng chi thuê chuyên gia không vượt quá 30% tổng chi lao động trực tiếp; Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 40.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc).

- Mức chi phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng chi lao động trực tiếp.

- Trường hợp đặc biệt (*mức chi chuyên gia lớn hơn định mức qui định*): cơ quan chủ trì có Tờ trình riêng trình và Hội đồng KHCN có ý kiến bằng văn bản trình Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét quyết định.

3.3. Chi tiết tiền thuê chuyên gia nước ngoài (Mục 6750- Tiêu mục 6756)

TT	Học và tên Học hàm, học vị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	
	
	Cộng (3)				

Lưu ý:

- Chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Các chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo thuyết minh nhiệm vụ.

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 55/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015.

- Trường hợp đặc biệt (*mức chi chuyên gia lớn hơn định mức qui định*) thì Viện Hàn lâm quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng thẩm định nội dung đề tài, dự án.

3.4. Chi tiết các khoản chi còn lại

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra các năm	
				Năm 20...	Năm 20...
A		Nội dung chi giao khoán			

TT	Mục chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra các năm	
				Năm 20...	Năm 20...
	6050	Thanh toán tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng (<i>Chi dự toán trong trường hợp trả công cho lao động thường xuyên một số công việc theo hợp đồng lao động có chi trả BHXH, BHYT, BHTN,..</i>)			
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng - Thanh toán tiền điện - Thanh toán tiền nước - Thanh toán tiền nhiên liệu (<i>Dự toán các khoản chi điện, nước, nhiên liệu trực tiếp cho đề tài, nhiệm vụ</i>)			
	6550	Vật tư văn phòng Văn phòng phẩm			
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc - Cước điện thoại - Cước phí internet, bưu phí			
	6650	Hội nghị (Hội thảo KH, thực hiện theo TTr 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015**) - In mua tài liệu - Chi hội thảo khoa học: <i>giải trình chi tiết số lần hội thảo, định mức chi cho chủ trì, thư ký hội thảo, báo cáo viên, thành viên tham gia (mức chi không vượt quá định mức quy định tại thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)</i>			
	6650	Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở (<i>Dự toán định mức chi hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở không vượt quá định mức chi do Viện Hàn lâm đã quy định</i>)			
	6700	Công tác phí (Thực hiện theo TTr 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010**). Dự kiến địa điểm đến công tác, thời gian công tác; số lượng người; dự kiến kinh phí: - Tiền vé máy bay, tàu xe; Tiền lưu trú (tiền thuê phòng nghỉ) ; Chi khác			
	6750	Chi phí thuê mướn - Thuê phiên dịch, biên dịch - Thuê phương tiện vận chuyển (<i>Thuê xe ô tô, thuê tàu khảo sát...</i>) <i>cần lưu ý khi dự toán thuê xe ô tô theo đơn giá/km hoặc khoán theo ngày, báo giá tham khảo kèm theo (nếu có)</i> - Thuê lao động trong nước:			

TT	Mục chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra các năm	
				Năm 20...	Năm 20...
		<i>Dự toán các khoản chi thuê lao động phổ thông dẫn đường, thu mẫu, xử lý mẫu hoặc thực hiện các công việc khác phục vụ điều tra, khảo sát, thu thập số liệu ngoài thực địa (dự toán căn cứ theo TT58/2011/BTC**)</i> - Các khoản thuê mướn khác.			
	6850	Chi đoàn vào			
		(Thực hiện theo TTư 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010**) (Số chuyên gia, thời gian công tác; Tiền vé máy bay, tàu xe; Tiền ăn, tiêu vật; Tiền thuê phòng nghỉ (số đêm nghỉ < số ngày); Chi khác			
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn			
		- Mua sách báo tài liệu, số liệu quan trắc, điều tra, bí quyết công nghệ dùng cho chuyên môn: (danh mục, số lượng, đơn giá). - Mua bảo hộ lao động (Đơn giá * số lượng) - Chi phí thực hiện đề tài NCKH theo chế độ quy định (<i>dự toán các dịch vụ NCKH thuê ngoài, dự toán có báo giá hoặc thuyết minh kèm theo</i>)			
	7750	Chi phí quản lý gián tiếp (Thực hiện theo TTư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015**):			
		- Chi quản lý phí, PC thư ký, PC kế toán (<i>dự toán chi tiết định mức chi phụ cấp thư ký, kế toán, hành chính, phục vụ gián tiếp...cho đề tài</i>) - Chi điện, nước, văn phòng phẩm của cơ quan chủ trì phục vụ cho đề tài, nhiệm vụ; - Chi sửa chữa thường xuyên của cơ quan chủ trì phục vụ cho đề tài, nhiệm vụ; - Các khoản chi khác.			
B		Nội dung chi không giao khoán			
	6750	Chi phí thuê mướn			
		(Thuê nhà; Thuê đất; Thuê thiết bị các loại)			
	6800	Chi đoàn ra			
		(Thực hiện theo TTư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012**): Tên nước đến, thời gian công tác; Tiền vé máy bay, tàu xe Tiền ăn, tiêu vật; Tiền thuê phòng nghỉ; Phí, lệ phí: (Phí sân bay, phí làm visa, hộ chiếu...); Chi khác: Bảo hiểm (<i>Dự toán tiền vé máy bay, lịch trình bay tham khảo</i>)			
	6900	Sửa chữa thường xuyên Tài sản			

TT	Mục chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra các năm	
				Năm 20...	Năm 20...
		Tên thiết bị, công trình cần sửa chữa (Dự toán cần có khái toán, thuyết minh, hoặc báo giá (nếu có))			
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn			
		- Chi mua vật tư, hoá chất: (Dự toán chi tiết chủng loại, số lượng Vật tư, hóa chất, số lượng, đơn giá) - Mua trang thiết bị chuyên dụng (không phải là tài sản cố định): (Dự toán chi tiết danh mục thiết bị đơn giá, số lượng) (Dự toán cần có báo giá hoặc định mức kinh tế kỹ thuật kèm theo)			
	9000	Mua sắm tài sản vô hình			
		Dự toán các khoản chi mua Bằng sáng chế; Bản quyền nhãn hiệu thương mại; phần mềm máy tính; Đầu tư xây dựng phần mềm máy tính; tài sản vô hình khác (Dự toán cần có báo giá tham khảo)			
	9050	Mua sắm tài sản hữu hình			
		Mua sắm tài sản cố định (Dự toán cần có báo giá, thẩm định giá (nếu có))			
		Tổng cộng (A+B) (tổng K.phí của đề tài)			

....., ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Kế toán đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ nhiệm đề tài
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phê duyệt của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Ghi chú:

* Mẫu dự toán được áp dụng đối với các đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN. Các đơn vị trực thuộc căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định, văn bản hướng dẫn liên quan, tham khảo mẫu dự toán trên để áp dụng cho các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở thuộc đơn vị mình quản lý.

**Các văn bản áp dụng có thể thay đổi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.